BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

QUY TRÌNH

XÂY DỰNG, QUẢN LÝ NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI, ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

MÃ SỐ: QT.03/ĐBCL

Bắc Giang, năm 2025

BẢNG THEO DÕI NHỮNG THAY ĐỔI

STT	Lần sửa đổi	Trang	Nội dung thay đổi	Ngày thay đổi

Trách nhiệm	Người viết	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Họ và tên	Dương Thế Ánh	Chu Đức Quyết	Cao Thị Mai Phương
Ký tên			
Chức vụ	P.Trưởng phòng	Trưởng phòng	Phó Hiệu trưởng

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

1. MỤC ĐÍCH

- Quy định thống nhất cách thức xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc môn học (học phần).

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng đối với:

- Tất cả các Trung tâm, Khoa/Bộ môn phải xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc môn học.

3. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Thông tư 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động-Thương binh Xã hội về việc ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trường trung cấp, trường cao đẳng;

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Căn cứ thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định việc tổ đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

- Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Quyết định số 2965/QĐ-BCT ngày 07/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp;

- Quy chế hoạt động của Nhà trường hiện hành.

4. ĐỊNH NGHĨA VÀ CHỮ VIẾT TẮT

4.1. Giải thích thuật ngữ:

- Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc môn học (được đề cập trong qui trình) là tập hợp các câu hỏi thi của một môn/phân môn dùng để kiểm tra, đánh giá người học.

- Ngân hàng đề thi là tập hợp các đề thi trong đó các câu hỏi được cấu trúc sẵn.

4.2. Từ viết tắt

- NHCH: Ngân hàng câu hỏi.

- QLĐT-NCKH&ĐBCL: Phòng Quản lý Đào tạo – Nghiên cứu khoa học và Đảm bảo chất lượng

- GVBM: Giáo viên, Giảng viên bộ môn

- GVBS1,2: Giáo viên hoặc giảng viên biên soạn 1,2

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1. Lưu đồ mô tả quy trình

STT		Chịu trách nhiệm		Biểu mẫu
		Thực hiện	Phối hợp	
1	Tiếp nhận chương trình môn học	GVBM	Tổ môn	
2	Phân loại cấp độ tư duy Thiết kế ma trận/cấu trúc đề thi	GVBS1,2	Tổ môn	HD-QT.03/ĐBCL BM.01-QT.03/ĐBCL BM.02-QT.03/ĐBCL
3	Xây dựng NHCH thi, đề thi	GVBS1,2	Tổ môn	BM.03-QT.03/ĐBCL BM.04-QT.03/ĐBCL BM.05-QT.03/ĐBCL BM.06-QT.03/ĐBCL BM.07-QT.03/ĐBCL BM.08-QT.03/ĐBCL
4	Không duyệt Kiểm tra, chuyên môn, thể thức	Lãnh đạo Khoa, Tổ môn	GVBS1,2	Từ BM.01 đến BM.08
5	Duyệt Không duyệt Kiểm tra thể thức Duyệt	Cán bộ ĐBCL	Lãnh đạo Bộ môn	Từ BM.01 đến BM.08
6	Ký giao, nhận NHCH thi, đề thi	GVBS1,2 Cán bộ ĐBCL		Từ BM.01 đến BM.08 BM.09-QT.03/ĐBCL
7	Lưu trữ, quản lý NHCH thi, đề thi	Cán bộ ĐBCL		Từ BM.01 đến BM.08 BM.09-QT.03/ĐBCL

5.2 Diễn giải lưu đồ

5.2.1. Tiếp nhận chương trình môn học:

- Người thực hiện: GV bộ môn được phân công.
- Thời gian thực hiện: Đầu mỗi kỳ học.
- Địa điểm: Các Trung tâm/Khoa, Tổ môn.
- Hình thức: GV bộ môn tiếp nhận chương trình môn học được phân công.
- Bằng chứng: Chương trình môn học

5.2.2. Phân loại cấp độ tư duy, Thiết kế ma trận/cấu trúc đề thi

- Người thực hiện: Giáo viên hoặc giảng viên biên soạn 1,2
- Thời gian thực hiện: Đầu/cuối mỗi môn học
- Địa điểm: Các Trung tâm/Khoa, Tổ môn
- Hình thức: GVBS1,2 căn cứ vào hệ thống các chuẩn kiến thức, kỹ năng được qui định trong chương trình của môn học để mô tả yêu cầu cần đạt theo các cấp độ của tư duy. GVBS1,2 thiết kế được một ma trận/cấu trúc đề thi theo các biểu mẫu HD-**QT.03/ĐBCL, BM.01-QT.03/ĐBCL, BM.02-QT.03/ĐBCL**
- Bằng chứng: Ma trận/Cấu trúc đề thi thể hiện cấu tạo của một đề thi, chọn lọc từ những nội dung kiến thức trong chương trình môn học.

5.2.3. Xây dựng NHCH thi, đề thi

- Người thực hiện: Giáo viên hoặc giảng viên biên soạn 1,2
- Thời gian thực hiện: Đầu/cuối mỗi môn học
- Địa điểm: Các Trung tâm/Khoa, Tổ môn.
- Hình thức: GVBS1,2 xây dựng được NHCH thi, đề thi theo các biểu mẫu **BM.03-QT.03/ĐBCL, BM.04-QT.03/ĐBCL, BM.05-QT.03/ĐBCL, BM.06-QT.03/ĐBCL, BM.07-QT.03/ĐBCL, BM.08-QT.03/ĐBCL.**

5.2.4. Kiểm tra, chuyên môn, thể thức

- Người thực hiện: Lãnh đạo Bộ môn, Trưởng khoa, Trung tâm
- Thời gian thực hiện: Ngay sau khi tiếp nhận.
- Địa điểm: Trung tâm/Khoa,
- Hình thức: Kiểm tra trực tiếp dựa vào các biểu mẫu **(từ BM.01 đến BM.08)**
- Bằng chứng: NHCH thi, đề thi kết thúc môn học.

5.2.5. Kiểm tra thể thức

- Người thực hiện: Cán bộ chuyên trách Phòng Quản lý Đào tạo – Nghiên cứu khoa học và Đảm bảo chất lượng
- Thời gian thực hiện: Ngay sau khi tiếp nhận.
- Địa điểm: Phòng Quản lý Đào tạo – Nghiên cứu khoa học và Đảm bảo chất lượng
- Hình thức: Kiểm tra trực tiếp dựa vào các biểu mẫu **(từ BM.01 đến BM.08)**
- Bằng chứng: NHCH thi, đề thi kết thúc môn học.

5.2.6. Ký giao, nhận NHCH thi, đề thi

- Người thực hiện: Cán bộ chuyên trách phòng QLĐT-NCKH&ĐBCL, GVBS1,2
- Thời gian thực hiện: Sau khi kiểm tra NHCHT thi, đề thi đạt yêu cầu trước thời gian thi chậm nhất 1 tuần.
- Địa điểm: Phòng QLĐT-NCKH&ĐBCL.
- Hình thức: Bàn giao trực tiếp.
- Bằng chứng: Sổ giao, nhận NHCH thi, đề thi theo biểu mẫu **BM.09-QT.03/ĐBCL**

5.2.7. Lưu trữ, quản lý NHCH thi, đề thi

- Người thực hiện: Cán bộ chuyên trách phòng QLĐT-NCKH&ĐBCL
- Thời gian thực hiện: Sau khi ký nhận NHCHT thi, đề thi.
- Địa điểm: Phòng QLĐT-NCKH&ĐBCL.
- Hình thức: Lưu tủ lưu trữ.
- Bằng chứng: NHCH thi, đề thi theo biểu mẫu (**từ BM.01 đến BM.09**)

6. PHỤ LỤC, BIỂU MẪU

TT	Tên phụ lục, biểu mẫu	Ký hiệu
1	Ma trận/cấu trúc đề thi	HD-QT.03/ĐBCL, BM.01-QT.03/ĐBCL, BM.02-QT.03/ĐBCL
2	Ngân hàng câu hỏi thi tự luận và đáp án	BM.03-QT.03/ĐBCL, BM.04-QT.03/ĐBCL
3	Ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiện và đáp án	BM.05-QT.03/ĐBCL, BM.06-QT.03/ĐBCL
4	Bìa NHCH thi	BM.07-QT.03/ĐBCL
5	Mẫu đề thi tự luận/ thực hành/ vấn đáp và đáp án	BM.08-QT.03/ĐBCL
6	Sổ giao, nhận ngân hàng đề thi, câu hỏi thi	BM.09-QT.03/ĐBCL

7. LƯU TRỮ HỒ SƠ

TT	Tên phụ lục, biểu mẫu	Ký hiệu	Nơi lưu hồ sơ	Dạng hồ sơ	Thời gian lưu (năm)
1	Ma trận/cấu trúc đề thi	HD-QT.03/ĐBCL, BM.01-QT.03/ĐBCL, BM.02-QT.03/ĐBCL	P.QLĐT-NCKH&ĐBCL	Bản giấy (bản mềm)	10 năm
2	Ngân hàng câu hỏi thi tự luận và đáp án	BM.03-QT.03/ĐBCL, BM.04-QT.03/ĐBCL	P.QLĐT-NCKH&ĐBCL	Bản giấy (bản mềm)	10 năm
3	Ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiện và đáp án	BM.05-QT.03/ĐBCL, BM.06-QT.03/ĐBCL	P.QLĐT-NCKH&ĐBCL	Bản giấy (bản mềm)	10 năm
4	Bìa NHCH thi	BM.07-QT.03/ĐBCL	P.QLĐT-NCKH&ĐBCL	Bản giấy (bản mềm)	10 năm
5	Mẫu đề thi tự luận/ thực hành/ vấn đáp và đáp án	BM.08-QT.03/ĐBCL	P.QLĐT-NCKH&ĐBCL	Bản giấy (bản mềm)	10 năm
6	Sổ giao, nhận ngân hàng đề thi, câu hỏi thi	BM.09-QT.03/ĐBCL	P.QLĐT-NCKH&ĐBCL	Bản giấy	10 năm

BM.01-QT.03/ĐBCL

TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MA TRẬN ĐỀ THI TỰ LUẬN

Tên học phần: (TÊN ĐẦY ĐỦ)

Bậc đào tạo:

Ngành:

Số tín chỉ/ĐVHT:

Số lượng câu hỏi/đề thi:

Thời gian làm bài: phút

Cấp độ / **Nội dung (Chương...)**	**1 (Nhận biết)**	**2 (Thông hiểu)**	**3 (Vận dụng cơ bản)**	**4 (Vận dụng nâng cao)**	**Tổng**
1. Nội dung a (Chương 1)	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm (Tỉ lệ %)
2. Nội dung b (Chương 2)	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm (Tỉ lệ %)
.....	.....	.....	.....	.....	.....
Tổng:	**Số câu** **Số điểm** **(Tỉ lệ %)**	**Số câu** **Số điểm** **(Tỉ lệ %)**	**Số câu** **Số điểm** **(Tỉ lệ %)**	**Số câu** **Số điểm** **(Tỉ lệ %)**	**Số câu** **Số điểm** **(Tỉ lệ %)**

Bắc Giang, ngày tháng năm 20

GV BIÊN SOẠN 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

GV BIÊN SOẠN 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

BM.02-QT.03/ĐBCL

TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MA TRẬN ĐỀ THI KẾT HỢP TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM

Tên học phần: (TÊN ĐẦY ĐỦ) Số tín chỉ/ĐVHT:

Bậc đào tạo: Số lượng câu hỏi/đề thi:

Ngành: Thời gian làm bài: phút

Cấp độ / **Nội dung (Chương…)**	**1** (Nhận biết)		**2** (Thông hiểu)		**3** (Vận dụng cơ bản)		**4** (Vận dụng nâng cao)		**Tổng**
	TN	**TL**	**TN**	**TL**	**TN**	**TL**	**TN**	**TL**	
1. Nội dung a (Chương 1.)	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm (...%)
2. Nội dung b (Chương 2.)	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm (...%)
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
Tổng:	**Số câu Số điểm (....%)**	**Số câu Số điểm (....%)**	**Số câu Số điểm (....%)**	**Số câu Số điểm (....%)**	**Số câu Số điểm (....%)**	**Số câu Số điểm (....%)**	**Số câu Số điểm (....%)**	**Số câu Số điểm (....%)**	**Số câu Số điểm (....%)**

Bắc Giang, ngày tháng năm 202…

GV BIÊN SOẠN 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

GV BIÊN SOẠN 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

BM.03-QT.03/ĐBCL

TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI TỰ LUẬN

Tên học phần: (TÊN ĐẦY ĐỦ)

Bậc đào tạo:

Ngành:

Số tín chỉ/ĐVHT:

Số lượng câu hỏi:

Thời gian làm bài: phút

I. Nhóm câu hỏi cấp độ 1 (… điểm)

Chương 1.

Câu 1:

Câu 2:

……

Chương 2.

Câu 1:

Câu 2:

……

Chương n.

Câu 1:

Câu 2:

……

II. Nhóm câu hỏi cấp độ 2 (… điểm)

Chương 1.

Câu 1:

Câu 2:

……

Chương 2.

Câu 1:

Câu 2:

……

Chương n.

Câu 1:

Câu 2:

……

III. Nhóm câu hỏi cấp độ 3 (…điểm)

Chương 1.

Câu 1:

Câu 2:

……

Chương 2.

Câu 1:

Câu 2:

……

Chương n.

Câu 1:

Câu 2:

……

IV. Nhóm câu hỏi cấp độ 4 (…điểm)

Chương 1.

Câu 1:

Câu 2:

……

Chương 2.

Câu 1:

Câu 2:

……

Chương n.

Câu 1:

Câu 2:

……

.....Hết .....

Bắc Giang, ngày tháng năm 20

GV BIÊN SOẠN 1 *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**GV BIÊN SOẠN 2** *(Ký, ghi rõ họ tên)*
TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

BM.04-QT.03/ĐBCL

TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM CÂU HỎI THI TỰ LUẬN

Tên học phần: (TÊN ĐẦY ĐỦ) Số tín chỉ/ĐVHT:

Bậc đào tạo: Số lượng câu hỏi:

Ngành:

I. Đáp án nhóm câu hỏi cấp độ 1 (… điểm)

Chương 1.

Câu/Ý	Đáp án	Thang điểm
Câu 1	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5
...	.....	
Câu n	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5

Chương 2.

Câu/Ý	Đáp án	Thang điểm
Câu 1	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5
...	.....	
Câu n	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5

.....

Chương n.

Câu/Ý	Đáp án	Thang điểm
Câu 1	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5
...	.....	
Câu n	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5

II. Đáp án nhóm câu hỏi cấp độ 2 (… điểm)

Chương 1.

Câu/Ý	Đáp án	Thang điểm
Câu 1	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5
...	.....	
Câu n	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5

Chương 2.

Câu/Ý	Đáp án	Thang điểm
Câu 1	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5
...	.....	
Câu n	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5

……..

Chương n.

Câu/Ý	Đáp án	Thang điểm
Câu 1	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5
...	.....	
Câu n	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5

III. Đáp án nhóm câu hỏi cấp độ 3 (… điểm)

Chương 1.

Câu/Ý	Đáp án	Thang điểm
Câu 1	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5
...	.....	
Câu n	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5

Chương 2.

Câu/Ý	Đáp án	Thang điểm
Câu 1	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5
...	.....	
Câu n	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5

……

Chương n.

Câu/Ý	Đáp án	Thang điểm
Câu 1	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5
...	.....	
Câu n	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5

IV. Đáp án nhóm câu hỏi cấp độ 4 (… điểm)

Chương 1.

Câu/Ý	Đáp án	Thang điểm
Câu 1	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5
...	.....	
Câu n	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5

Chương 2.

Câu/Ý	Đáp án	Thang điểm
Câu 1	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5
...	.....	
Câu	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5

……..

BM.04-QT.03/ĐBCL

Chương n.

Câu/Ý	Đáp án	Thang điểm
Câu 1	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5
...	.....	
Câu n	(ghi lại câu hỏi)	**... điểm**
Ý 1		0,25
...		...
Ý n		0,5

.....Hết.....

Bắc Giang, ngày tháng năm 20

GV BIÊN SOẠN 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

GV BIÊN SOẠN 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

BM.05-QT.03/ĐBCL

TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI TRẮC NGHIỆM
(Kèm Đáp án)

Tên học phần: (TÊN ĐẦY ĐỦ)

Ngành: Số tín chỉ/ĐVHT:

Bậc đào tạo: Thời gian làm bài:

* MÔ TẢ NHCH VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI:

TT	Tên chương	Số câu hỏi/NHCH	Số câu hỏi/Đề thi
1			
2			
3	.....		
Tổng:			

Chương	Số câu hỏi/NHCH					Số câu hỏi/Đề thi				
	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4	Tổng	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4	Tổng
CHƯƠNG 1										
CHƯƠNG 2										
CHƯƠNG 3…										
Tổng										

CHƯƠNG 1.

Câu hỏi cấp độ 1

Câu 1.

Câu 2. …

Câu hỏi cấp độ 2

Câu 1.

Câu 2. …

Câu hỏi cấp độ n

CHƯƠNG 2.

Câu hỏi cấp độ 1

Câu 1.

Câu 2. …

Câu hỏi cấp độ 2

Câu 1.

Câu 2. …

Câu hỏi cấp độ n

.....

.....Hết.....

Bắc Giang, ngày tháng năm 20

GV BIÊN SOẠN 1 *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**GV BIÊN SOẠN 2** *(Ký, ghi rõ họ tên)*
TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

BM.06-QT.03/ĐBCL

TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐÁP ÁN NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI TRẮC NGHIỆM

Tên học phần: (TÊN ĐẦY ĐỦ)

Ngành: Số tín chỉ/ĐVHT:

Bậc đào tạo: Thời gian làm bài: phút

CHƯƠNG 1

Cấp độ 1

1B	2A								

.....

Cấp độ 2.

1C									

.....

CHƯƠNG 2

Cấp độ 1.

1. C									

.....

Cấp độ 2.

1 D									

.....

.....Hết.....

Bắc Giang, ngày tháng năm 20

GV BIÊN SOẠN 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

GV BIÊN SOẠN 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

BM.07-QT.03/ĐBCL

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

KHOA (PHÒNG, TRUNG TÂM)

NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI
KẾT THÚC MÔN HỌC, MÔ ĐUN

(DÙNG THI: TRẮC NGHIỆM hoặc TỰ LUẬN hoặc KẾT HỢP TỰ LUẬN & TRẮC NGHIỆM)

Tên học phần : (DÙNG CHỮ IN HOA)

Mã số học phần:

Bậc đào tạo :

Ngành :

Số tín chỉ/ĐVHT:

GV biên soạn 1 :

GV biên soạn 2 :

Bắc Giang, tháng /20

BM.08-QT.03/ĐBCL

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã đề:

ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC, MÔ ĐUN

Môn thi: **Hình thức thi:**

Số đơn vị học trình (Tín chỉ): **Ngành:**

Bậc đào tạo: **Hệ đào tạo:**

Thời gian thi: phút

(Đề thi gồm có …... trang)

Câu 1. (…điểm)

Câu 2. (… điểm)

Câu 3…. (... điểm)

------- Hết ------

(Thí sinh không sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên thí sinh:…….. Số báo danh:……

Bắc Giang, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA/TT	TỔ TRƯỞNG CM	CÁN BỘ LÀM ĐỀ 1	CÁN BỘ LÀM ĐỀ 2
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

BM.08-QT.03/ĐBCL

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐÁP ÁN THI KẾT THÚC MÔN HỌC, MÔ ĐUN

Mã đề:

Môn thi: **Hình thức thi:**

Số đơn vị học trình (Tín chỉ): **Ngành:**

Bậc đào tạo: **Hệ đào tạo:**

Thời gian thi: phút

(Đáp án gồm có …... trang)

TT	Đáp án	Điểm (*)
Câu 1	Nội dung câu hỏi:….	Tổng điểm: …. điểm
	1…. a. -…	(Điểm có thể được chia nhỏ theo ý không quá 0,25 điểm)
Câu 2	Nội dung câu hỏi:….	Tổng điểm: ….điểm
	…	

---------- **Hết** ----------

Bắc Giang, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA/TT	TỔ TRƯỞNG CM	CÁN BỘ LÀM ĐÁP ÁN 1	CÁN BỘ LÀM ĐÁP ÁN 2
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(*): Điểm tính theo thang điểm 10

BM.09-QT.03/ĐBCL

SỔ BAN GIAO NGÂN HÀNG ĐỀ THI, CÂU HỎI THI

TT	Môn thi	Hệ đào tạo	Số tín chỉ	Ngành đào tạo	Ngày giao	Hình thức thi				Số lượng (Đề, câu)	Người giao (Ký, ghi rõ họ tên)	Người nhận (Ký, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
						TL	TN	TH	VĐ				
1.													
2.													
3.													
4.													
5.													
6.													
7.													
8.													
9.													
10.													

HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ MA TRẬN/CẤU TRÚC ĐỀ THI

1. Ma trận/Cấu trúc đề thi

- Ma trận/Cấu trúc đề thi là bộ khung thống nhất thể hiện cấu tạo của một đề thi, chọn lọc từ những nội dung kiến thức trong chương trình môn học, mô đun. Một ma trận/cấu trúc đề thi là cơ sở để xây dựng NHCH thi và tổ hợp đề thi từ NHCH thi của môn học, mô đun tương ứng.

- Cấu tạo của một ma trận đề thi:

+ Gồm một bảng có hai chiều, một chiều là nội dung hay mạch kiến thức chính cần đánh giá, một chiều là các mức độ nhận thức của người học theo các cấp độ: nhận biết, thông hiểu và vận dụng (gồm vận dụng cơ bản và vận dụng nâng cao);

+ Trong mỗi ô là chuẩn kiến thức, kĩ năng nội dung, chương trình cần đánh giá, tỉ lệ % số điểm, số lượng câu hỏi và tổng số điểm của các câu hỏi;

+ Số lượng câu hỏi của từng ô phụ thuộc vào mức độ quan trọng của mỗi chuẩn cần đánh giá, lượng thời gian làm bài thi và trọng số điểm quy định cho từng mạch kiến thức, từng cấp độ nhận thức.

- Cấu trúc đề thi là văn bản quy định thời gian thi, số lượng câu hỏi và phần kiến thức bao gồm trong một đề thi. Cấu trúc đề thi do giáo viên, giảng viên (ký hiệu chung là GV), Tổ môn đề xuất.

2. Mô tả về các cấp độ tư duy (cấp độ câu hỏi)

Cấp độ tư duy (Cấp độ câu hỏi)	**Mô tả**	**Ký hiệu**
"Nhận biết" (Cấp độ 1)	* Nhận biết có thể được hiểu là người học nêu hoặc nhận ra các khái niệm, nội dung, vấn đề đã học khi được yêu cầu. Động từ mô tả yêu cầu cần đạt ở cấp độ 1 có thể quy về nhóm động từ: *nhận biết được, nêu được, phát biểu được, trình bày được, viết được, liệt kê được, thuật lại được, nhận dạng được, chỉ ra được,…*	Câu hỏi cấp độ 1: Để trống Ví dụ: Câu 1:
"Thông hiểu"	* Người học hiểu các khái niệm cơ bản, có khả năng diễn đạt được kiến thức đã học theo	

(Cấp độ 2)	ý hiểu của mình, thông hiểu thông tin, rút ra ý nghĩa, chuyển tải kiến thức từ dạng này sang dạng khác, diễn giải các dữ liệu, so sánh, đối chiếu, suy diễn các nguyên nhân, dự đoán các hệ quả… Động từ mô tả yêu cầu cần đạt ở cấp độ 2 có thể quy về nhóm động từ: *trình bày suy nghĩ, mô tả được, diễn giải được, ...*	Câu hỏi cấp độ 2: Đặt ký hiệu # sau câu hỏi Ví dụ: Câu 2#:
"Vận dụng cơ bản" (Cấp độ 3)	* Người học vượt qua cấp độ hiểu đơn thuần và có thể sử dụng thông tin, vận dụng các phương pháp, khái niệm và lý thuyết đã học trong những tình huống tương tự nhưng không hoàn toàn giống như tình huống đã gặp, đòi hỏi đến sự tư duy lôgic, phê phán, phân tích, tổng hợp. Động từ mô tả yêu cầu cần đạt ở cấp độ 3 có thể quy về nhóm động từ: *vận dụng được, giải thích được, giải được bài tập, làm được...*	Câu hỏi cấp độ 3: Đặt ký hiệu * sau câu hỏi Ví dụ: Câu 3*:
"Vận dụng nâng cao" (Cấp độ 4)	* Người học có khả năng sử dụng các khái niệm cơ bản để giải quyết một vấn đề mới hoặc không quen thuộc chưa từng được học hoặc trải nghiệm trước đây, thể hiện tư duy lôgic, phân tích có tính sáng tạo. Động từ mô tả yêu cầu cần đạt ở cấp độ 4 có thể quy về nhóm động từ: *phân tích được, so sánh được, phân biệt được, suy luận được, thiết kế được, lắp ráp được, sửa chữa được...*	Câu hỏi cấp độ 4: Đặt ký hiệu ** sau câu hỏi Ví dụ: Câu 4**:

Lưu ý: Những câu hỏi liên quan đến các kiến thức về lý thuyết (LT) thường ở cấp độ 1, cấp độ 2. Những câu hỏi liên quan đến bài tập (BT), thực hành thường ở cấp độ 3, cấp độ 4.

2. Các bước cơ bản thiết kế ma trận đề thi

Bước 1: Liệt kê tên các nội dung (chương...) cần đánh giá, kiểm tra;

Bước 2: Viết các nội dung cần đánh giá đối với mỗi cấp độ tư duy (nếu có);

Bước 3: Quyết định phân phối tỉ lệ % điểm cho mỗi nội dung (chương...);

Bước 4: Tính số điểm cho mỗi nội dung (chương...) tương ứng với tỉ lệ %;

Bước 5: Quyết định số câu hỏi cho mỗi nội dung và điểm tương ứng;

Bước 6: Tính tổng số điểm và tổng số câu hỏi cho mỗi cột và kiểm tra tỉ lệ % tổng số điểm phân phối cho mỗi cột;

Bước 7: Đánh giá lại ma trận và chỉnh sửa (nếu cần thiết).

4. Chú ý khi quyết định tỷ lệ % điểm và tính tổng số điểm

- Căn cứ vào mục đích của đề thi, căn cứ vào mức độ quan trọng của mỗi chủ đề (nội dung, chương...) trong chương trình và thời lượng quy định trong phân phối chương trình để phân phối tỉ lệ % điểm cho từng chủ đề;

- Căn cứ vào mục đích của đề thi để quyết định số câu hỏi cho mỗi chuẩn cần đánh giá, ở mỗi chủ đề, theo hàng. Giữa ba cấp độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng theo thứ tự nên theo tỉ lệ phù hợp với chủ đề và trình độ, năng lực của người học;

- Căn cứ vào số điểm đã xác định ở bước 4 (trong phần thiết kế ma trận đề thi) để quyết định số điểm và số câu hỏi tương ứng (trong đó mỗi câu hỏi dạng trắc nghiệm nên có số điểm bằng nhau);

- Nếu đề thi kết hợp cả hai hình thức trắc nghiệm và tự luận thì cần xác định tỉ lệ % tổng số điểm của mỗi hình thức, có thể thiết kế một ma trận chung hoặc thiết kế riêng 02 ma trận;

- Nếu tổng số điểm khác 10 thì cần quy đổi về thang điểm 10 theo tỷ lệ %.